TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẠC LIÊU** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2024/HNGĐ-ST
Ngày 17 tháng 6 năm 2024
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Thị Mỹ Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lâm Thị Nguyệt Hồ và ông Lê Tuấn Kiệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Như – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2024/TLST-HNGĐ ngày 10/3/2024 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **V T V,** sinh năm 1979. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số #, Khóm #, Phường #, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Bà **T T L**, sinh năm 1985. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số #, Khóm #, Phường #, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông V T V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà T T L tự nguyện tìm hiểu, sống chung như vợ chồng với nhau từ năm 2004, không tổ chức lễ cưới. Quá trình chung sống hai bên không đăng ký kết hôn, đồng thời thời gian chung sống hai bên bất đồng ý kiến, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Do đó, ông yêu cầu ly hôn với bà T T L, do ông không đăng ký kết hôn nên ông yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận ông và bà L là vợ chồng.

Về con chung: Quá trình chung sống ông và bà L có 03 con chung tên V T Q, sinh ngày 10/8/2004; V M H, sinh ngày 12/01/2005 và V T S, sinh ngày 08/10/2010. Ngoài ra không còn con chung nào khác (hiện cháu Sang đang ở chung với bà L).

Khi ly hôn, ông đồng ý giao con chung tên V T S, sinh ngày 08/10/2010 cho bà T T L trực tiếp nuôi dưỡng.

Đối với con chung tên V T Q, sinh ngày 10/8/2004; V M H, sinh ngày 12/01/2005 đã trưởng thành phát triển lành mạnh, không bị nhược điểm về thể chất, tinh thần nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung tên V T S, sinh ngày 08/10/2010 số tiền là 2.000.000đồng (hai triệu đồng)/01 tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6 năm 2024 cho đến khi cháu Sang đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn Bà T T L có ý kiến trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông V tự nguyện tìm hiểu, sống chung vợ chồng từ năm 2004, không tổ chức lễ cưới; quá trình chung sống hai bên không đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống hai bên bất đồng ý kiến, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nay ông V yêu cầu ly hôn thì bà đồng ý ly hôn.

Về con chung: Bà và ông V có 03 con chung tên V T Q, sinh ngày 10/8/2004; V M H, sinh ngày 12/01/2005 và V T S, sinh ngày 08/10/2010. Ngoài ra không còn con chung nào khác (hiện cháu Sang đang ở chung với bà).

Khi ly hôn, bà yêu cầu trực tiếp nuôi con chung tên V T S, sinh ngày 08/10/2010. Yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung tên V T S, sinh ngày 08/10/2010 số tiền là 2.000.000đồng (hai triệu đồng)/01 tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6 năm 2024 cho đến khi cháu Sang đủ 18 tuổi.

Đối với con chung V T Q, sinh ngày 10/8/2004; V M H, sinh ngày 12/01/2005 đã trưởng thành phát triển lành mạnh, không bị nhược điểm về thể chất, tinh thần nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản ghi nhận ý kiến của cháu V T S, sinh ngày 08/10/2010 có nguyện vọng muốn sống chung cùng mẹ.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hện hôn nhân và gia đình: Ông V và bà L chung sống với nhau từ năm 2004 nhưng không đăng ký kết hôn do vậy theo quy định tại khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình: Không công nhận ông V T V và bà T T L là vợ chồng.

Về con chung: Ông V và bà L có 03 con chung gồm V T Q, sinh ngày 10/8/2004; V M H, sinh ngày 12/01/2005 và V T S, sinh ngày 08/10/2010.

Giao con chung tên V T S, sinh ngày 08/10/2010 cho bà T T L trực tiếp

trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông V T V có quyền, nghĩa vụ thăm con chung không ai được quyền cản trở.

Đối với con chung V T Q, sinh ngày 10/8/2004; V M H, sinh ngày 12/01/2005 đã trưởng thành phát triển lành mạnh, không bị nhược điểm về thể chất, tinh thần nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông V T V có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung tên V T S, sinh ngày 08/10/2010 số tiền là 2.000.000đồng (hai triệu đồng)/01 tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6 năm 2024 cho đến khi cháu Sang đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quan điểm phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu. Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ kiện như sau:

[1] Ông V yêu cầu ly hôn với Bà L, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà L cư trú tại Phường 2, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Ông V và bà L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông V và bà L tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2004, là sự kiện có xảy ra trên thực tế, được ông V, bà L thừa nhận. Tuy nhiên, quá trình sống chung như vợ chồng ông V, bà L không đăng ký kết hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình: *"Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định thì không có giá trị pháp lý"* và khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình: *"Nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng"*. Đồng thời tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 của Luật này*; *nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này*". Từ các căn cứ trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông V, tuyên bố không công nhận ông V T V và bà T T L là vợ chồng.

[4] Về con chung: Ông V và bà L thống nhất xác định quá trình chung sống có 03 con chung tên V T Q, sinh ngày 10/8/2004; V M H, sinh ngày 12/01/2005 và V T S, sinh ngày 08/10/2010 (hiện nay cháu Sang đang ở chung với bà L).

[4.1] Đối với con chung V T Q, sinh ngày 10/8/2004; V M H, sinh ngày

12/01/2005 đã trưởng thành phát triển lành mạnh, không bị nhược điểm về thể chất, tinh thần. Ông V và bà L thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4.2] Đối với con chung tên V T S, sinh ngày 08/10/2010: Tại biên bản ghi nhận ý kiến của cháu V T S, sinh ngày 08/10/2010 có nguyện muốn sống chung cùng mẹ. Ý kiến ông V và bà L thống nhất sau khi ly hôn giao cháu V T S, sinh ngày 08/10/2010 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của ông V và bà L và đúng với nguyện vọng của cháu Sang; phù hợp theo quy định pháp luật nên ghi nhận sự thỏa thuận. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở giao cháu V T S, sinh ngày 08/10/2010 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông V có quyền, nghĩa vụ thăm con chung không ai được quyền cản trở.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung tên V T S, sinh ngày 08/10/2010. Ông V và bà L thống nhất xác định: Ông V có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung tên V T S, sinh ngày 08/10/2010 số tiền là 2.000.000đồng (hai triệu đồng)/01 tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6 năm 2024 cho đến khi cháu Sang đủ 18 tuổi. Xét thấy, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của ông V và bà L, phù hợp theo quy định pháp luật nên ghi nhận sự thỏa thuận. Do đó, ông V có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung tên V T S, sinh ngày 08/10/2010 số tiền là 2.000.000đồng (hai triệu đồng)/01 tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6 năm 2024 cho đến khi cháu Sang đủ 18 tuổi.

[6] Về tài sản chung: Ông V và bà L thống nhất xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về nợ chung: Ông V và bà L thống nhất xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Nguyên đơn ông V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5 Điều 27, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[9] Từ các phân tích trên, chấp nhận đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; Điều 81, Điều 82 và Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông V T V và bà T T L là vợ chồng.

2. Về con chung: Ông V T V và Bà T T L có 03 con chung tên V T Q, sinh ngày 10/8/2004; V M H, sinh ngày 12/01/2005 và V T S, sinh ngày 08/10/2010 (hiện nay cháu Sang đang ở chung với bà L).

2.1. Con chung V T Q, sinh ngày 10/8/2004; V M H, sinh ngày 12/01/2005 đã trưởng thành phát triển lành mạnh, không bị nhược điểm về thể chất, tinh thần. Ông V và bà L không yêu xem xét nên không đặt ra xem xét, giải quyết. `

2.2. Giao con chung tên V T S, sinh ngày 08/10/2010 cho bà T T L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông V T V có quyền, nghĩa vụ thăm con chung không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông V T V có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung tên V T S, sinh ngày 08/10/2010 số tiền là 2.000.000đồng (Hai triệu đồng)/01 tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6 năm 2024 cho đến khi cháu Sang đủ 18 tuổi.

Trường hợp người phải thi hành án chậm trả tiền thì bên đó còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành xong khoản tiền phải thi hành án theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí:

4.1. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng: Buộc ông V T V phải chịu toàn bộ. Ông V T V đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002507 ngày 19/3/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu được chuyển thu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4.2. Án phí cấp dưỡng 300.000 đồng: Buộc ông V T V phải chịu toàn bộ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, ông V T V và Bà T T L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

TÒA

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bạc Liêu;
-VKSND thành Tp. Bạc Liêu;
-CCTHADS Tp. Bạc Liêu;
-Đương sự;
- Lưu.

Thị Mỹ Hằng